

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-9-2020.

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Ngọc Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nghiêm Thị H, sinh năm: 1962.

- Bị đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm: 1967.

Cùng đăng ký thường trú: Tổ 3, ấp SQ, xã CD, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Nơi sinh sống hiện nay: Như trên.

(Bà H có mặt, Ông H vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2020 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn Bà Nghiêm Thị H trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau từ năm 1990 đến nay, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống

luôn phát sinh mâu thuẫn, không có thời gian sống hạnh phúc, nguyên nhân do Ông H nghiện rượu thường xuyên đánh đập bạo hành bà, bà có báo chính quyền địa phương yêu cầu xử lý nhiều lần nhưng Ông H không thay đổi. Vì các con bà cố gắng chịu đựng, tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng sống ly thân 5 năm nay. Nay bà xét thấy không thể tiếp tục chung sống với Ông H yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với Ông H.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Dương Quốc D, sinh năm 1990, Dương Thị Phương T, sinh năm: 1993, Dương Trí D, sinh ngày 26/8/2003. Cháu Quốc D và cháu T đã trưởng thành và đã lập gia đình. Đối với cháu Dương Trí D chưa thành niên, ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trí D. Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

**- Bị đơn ông Dương Văn Hoàng vắng mặt không có lý do .**

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đúng thành phần theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo khách quan, toàn diện và dân chủ trong tranh tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về việc giải quyết vụ án: Việc Bà H, Ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 đề nghị tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa Bà H, Ông H.

Về con chung: Cháu Quốc D và cháu T đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét.

Đối với cháu Dương Trí D chưa thành niên, ly hôn Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trí D. Xét phù hợp nguyện vọng cháu D nên đề nghị chấp nhận. Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Ông Dương Văn H đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ông H.

**[2] Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời khai Bà H, bà và Ông H chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, xét phù hợp kết quả xác minh tại địa phương nơi ông bà đăng ký thường trú và sinh sống. Quan hệ hôn nhân của ông bà được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa Bà Nghiêm Thị H và Ông Dương Văn H.

- *Về con chung:* Có 03 con chung tên Dương Quốc D, sinh năm 1990, Dương Thị Phương T, sinh năm: 1993, Dương Trí D, sinh ngày 26/8/2003. Cháu Quốc D và cháu T đã trưởng thành và đã lập gia đình nên không xem xét. Đối với cháu Dương Trí D chưa thành niên, ly hôn Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trí D. Xét phù hợp nguyện vọng cháu Trí D nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Không xem xét.

- *Về nợ chung:* Không xem xét.

**[3] Về án phí:** Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Nghiêm Thị H và Ông Dương Văn H.

2/ Về con chung: Xử giao cháu Dương Trí D, sinh ngày 26/8/2003 cho Bà Nghiêm Thị H được quyền nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

Theo luật định, Ông H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Bà Nghiêm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001653 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, Bà H đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Nghiêm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Long Thành (1),
- Chi cục THADS h. Long Thành (1),
- UBND xã Cẩm Đường (1)
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Hà**